

Số: 64/QĐ - LVT

Quận 7, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 3/2024
của Trường Tiểu học Lê Văn Tám

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số 174/QĐ-UB-TC ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 về việc thành lập Trường Tiểu học Lê Văn Tám;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận 7 về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 3/2024 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, viên chức trường Tiểu học Lê Văn Tám chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính-Kế hoạch quận 7;
- Nơi điều 3;
- Cổng thông tin điện tử (Công khai);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Tiểu Quỳnh



Biểu số 3 (Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018)

Đơn vị: **TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Theo quyết định số 64/LVT ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Trường Tiểu học Lê Văn Tám về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý 3/2024)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Lê Văn Tám công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2024 như sau:

ĐV tính: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ:				
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	25.196.621	284.227	1%	0%
1	Thu sự nghiệp:	15.820.384	38.393	0%	1%
1.1	- Tiếng anh tăng cường	234.600	828	0%	345%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	- Giáo dục kỹ năng sống	442.080	960	0%	300%
1.3	- Tổ chức học hai buổi/ ngày	130.780		0%	0%
1.4	- Tin học	72.725		0%	0%
1.5	- Năng khiếu	424.520	960	0%	400%
1.6	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.334.373	5.300	0%	1104%
1.7	- Tin học quốc tế	573.600	1.800	0%	3000%
1.8	- Anh văn bản ngữ	30.430		0%	#DIV/0!
1.9	- Tích hợp	1.107.113		0%	0%
1.10	- Stem	442.000	960	0%	300%
1.11	- Lớp học Tiên tiến hội nhập QT	7.481.550	20.700	0%	#DIV/0!
1.12	- Chương trình Toán - Khoa	2.410.500	6.000	0%	300%
1.13	- Tiền bơi	136.113	885	1%	#DIV/0!
2	Thu tài chính	10.000	1.962	20%	123%
2.1	- Lãi ngân hàng	10.000	1.962	20%	123%
3	Thu hộ:	9.366.237	243.872	3%	0%
3.1	- Tiền ăn bán trú	7.963.200	14.455	0%	0%
3.2	- Tiền nước uống	170.640	408	0%	0%
3.3	- Tiền đề kiểm tra	64.700		0%	#DIV/0!
3.4	- Tiền điện máy lạnh	116.158	672	1%	#DIV/0!
3.5	- Tiền BHYT	728.522	212.859	29%	0%
3.6	- Tiền sổ liên lạc điện tử	96.840		0%	#DIV/0!
3.7	- Thiết bị, vật dụng bán trú	181.900		0%	#DIV/0!
3.8	- Tiền phụ huynh chuyển nhầm	-		#DIV/0!	#DIV/0!
3.9	- Khen thưởng TP, Quận	28.800		0%	#DIV/0!
3.10	- Thu khác (Thu lại tiền do đơn vị hoàn lại tiền)	15.477	15.478	100%	#DIV/0!
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	25.196.621	285.029	1%	117%
1	Chi sự nghiệp:	15.820.384	208.288	1%	144%
1.1	- Tiếng anh tăng cường	234.600	8.562	4%	#DIV/0!
1.2	- Giáo dục kỹ năng sống	442.080		0%	#DIV/0!
1.3	- Tổ chức học hai buổi/ ngày	130.780	13.460	10%	#DIV/0!
1.4	- Tin học	72.725	436	1%	5%
1.5	- Năng khiếu	424.520		0%	0%
1.6	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	2.334.373	107.616	5%	#DIV/0!
1.7	- Tin học quốc tế	573.600	4.840	1%	#DIV/0!

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.8	- Anh văn bản ngữ	30.430		0%	#DIV/0!
1.9	- Tích hợp	1.107.113	14.580	1%	729%
1.10	- Stem	442.000	1.000	0%	1%
1.11	- Lớp học Tiên tiến hội nhập QT	7.481.550	57.794		#DIV/0!
1.12	- Chương trình Toán - Khoa	2.410.500		0%	#DIV/0!
1.13	- Tiền bồi	136.113		0%	#DIV/0!
2	Chi từ nguồn thu tài chính	10.000	2.121	459%	459%
2.1	- Lãi ngân hàng	10.000	2.121	21%	459%
3	Chi hộ:	9.366.237	74.620	1%	76%
3.1	- Tiền ăn bán trú	7.963.200	5.985	0%	20%
3.2	- Tiền nước uống	170.640	4.320	3%	#DIV/0!
3.3	- Tiền đề kiểm tra	64.700		0%	#DIV/0!
3.4	- Tiền điện máy lạnh	116.158		0%	#DIV/0!
3.5	- Tiền BHYT	728.522	48.837	7%	73%
3.6	- Tiền sổ liên lạc điện tử	96.840		0%	#DIV/0!
3.7	- Thiết bị, vật dụng bán trú	181.900		0%	#DIV/0!
3.8	- Tiền phụ huynh chuyển nhầm	-		#DIV/0!	#DIV/0!
3.9	- Khen thưởng TP, Quận	28.800		0%	#DIV/0!
3.10	- Thu khác (Thu lại tiền do đơn vị hoàn lại tiền)	15.477	15.478	100%	#DIV/0!
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	13.799.000	3.250.475	24%	118%
3.1	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ	8.026.000	2.170.761	27%	#DIV/0!
	- Kinh phí thường xuyên (nguồn 13): Kinh phí chi trả lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, các khoản chi hoạt động	6.869.000	2.170.761	32%	#DIV/0!
	- Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14): Kinh phí thực hiện chênh lệch lương cơ sở	1.157.000		0%	#DIV/0!
3.2	Kinh phí chi thường xuyên không thực hiện chế độ tự chủ	5.773.000	1.079.714	19%	39%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 3/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Kinh phí thực hiện lương dạy thêm giờ phụ cấp GV dạy HS khuyết tật, hỗ trợ viên chức làm công tác y tế, bồi dưỡng GV dạy thể dục, các khoản chi theo quy định (nguồn 12)	612.000	1.350	0%	0,08%
	Kinh phí cải cách tiền lương (nguồn 14): Thực hiện chi NQ03	5.161.000	1.078.364	21%	104%



THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
QUÝ 3/2024

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU		Tổng cộng	KINH PHÍ THỰC CHI (ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH)				Ghi chú
	MỤC	MÃ NDKT		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03, chênh lệch lương cơ sở) (Nguồn 14)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên) (Nguồn 14 của 12)	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)	
	Tổng cộng							
1	6000		3.250.475.563	2.170.761.783	1.078.363.780		1.350.000	
			Tiền lương	1.191.920.397	-		-	
		6001	Lương biên chế	1.191.920.397				
2	6050		108.420.000	108.420.000	-		-	
			Tiền công LĐTĐ theo HD	108.420.000				
		6051						
3	6100		551.054.166	551.054.166	-		-	
			Các khoản phụ cấp					
		6101	Phụ cấp chức vụ:	21.762.000				
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	394.625.070				
		6113	Phụ cấp trách nhiệm	2.106.000				
		6115	Phụ cấp thâm niên nghề	132.561.096				
		6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi học tập					
4	6300		316.367.220	316.367.220	-		-	
			Các khoản đóng góp					
		6301	BHXX	228.861.393				
		6302	BHYT	40.387.304				
		6303	Kinh phí Công đoàn	26.924.870				
		6304	BH thất nghiệp	13.462.435				
		6349	Các khoản đóng góp khác	6.731.218				
5	6400		1.079.713.780	-	1.078.363.780		1.350.000	
			Các khoản thanh toán cá nhân					
		6404	Chi tăng thu nhập				-	

CHỈ TIÊU				Tổng cộng	KINH PHÍ THỰC CHI (ĐƯỢC GIAO TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH)				Ghi chú
STT	MỤC	MÃ NDKT	NỘI DUNG CHI		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 13)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03, chênh lệch lương cơ sở) (Nguồn 14)	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên) (Nguồn 14 của 12)	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)	
		6449	Chi khác	1.079.713.780		1.078.363.780		1.350.000	
6	6700		Công tác phí	3.000.000	3.000.000	-		-	
		6704	Khoản công tác phí	3.000.000	3.000.000	-			

* Ghi chú: Công khai niêm yết trên bảng tin từ ngày.....